

Bản án số: 53/2022/HS-ST

Ngày 08 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Thành;

Bà Đỗ Thị Kim Thúy;

Bà Bùi Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Văn C, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1991 tại xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân Q và bà Đinh Thị T; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông LS - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

Bị hại: Anh Phạm Ngọc P, sinh năm 1977 và chị Phan Thị T, sinh năm 1981; đều có địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Quân L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2020, Bùi Văn C đến quán Karaoke X ở thôn M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc của anh Nguyễn Hồng H làm quản lý và đưa đón

nhân viên nữ cho anh H. Trong quá trình làm quản lý nhân viên tại quán Karaoke X, C có quen biết anh Phạm Ngọc P và chị Phan Thị T là chủ quán Karaoke Y. Đến tháng 10/2020, C tách anh H ra làm riêng, đưa khoảng 06 đến 07 nhân viên nữ về thuê nhà trọ gần nhà vợ chồng chị T để phục vụ các quán hát quanh khu vực thị trấn Bá Hiến. Trong thời gian này, C thường xuyên cung cấp nhân viên cho quán Karaoke Y của vợ chồng chị T và thỉnh thoảng giúp vợ chồng chị T trông coi, quản lý quán hát nên anh chị rất tin tưởng, thân thiết với C và coi C như con cháu trong gia đình.

Khoảng cuối năm 2020, do C ăn chơi đua đòi dẫn đến nợ nần tiền của nhiều người ngoài xã hội, không có khả năng trả nợ. Lợi dụng mối quan hệ thân thiết với vợ chồng anh P, chị T và biết anh chị PT có điều kiện kinh tế, C đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối là tự nhận C có thửa đất số 03, tờ bản đồ số 03, diện tích 840m² ở thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội được ông bà ngoại cho và có bà cô họ làm lãnh đạo tại Hà Nội có thể nhờ làm được cho bố đẻ chị T là ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 16 thửa đất ở Khu Đ, tổ dân phố M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc mà ông Đ được Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến) giao thầu sử dụng trồng cây và nuôi trồng thủy sản. Sau đó C vào mạng xã hội facebook đặt làm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của hai thửa đất nêu trên, từ tháng 12/2020 đến tháng 04/2021, C đã hai lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh P chị T thông qua hình thức thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất 03, tờ bản đồ số 03, diện tích 840m² ở thôn T, xã Minh Trí cho anh P chị T vay 400.000.000 đồng và nhận của chị T 850.000.000 đồng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 16 thửa đất tại khu Đ, tổ dân phố M, thị trấn B cho ông Đ sau đó C sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không có khả năng trả lại tài sản cho anh chị PT, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Do trước đó C từng làm địa trắc tư ở xã M, huyện S, thành phố Hà Nội nên có lưu hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 của thửa đất số 03, tờ bản đồ 03, diện tích 840 m² tại thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội của ông Phạm Văn Đ1 trong máy điện thoại của C. C nảy sinh ý định thuê người làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn C rồi đem thế chấp cho anh chị PT vay tiền để chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ.

Đầu tháng 12/2020, C vào mạng xã hội Facebook tìm tài khoản nhận làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó C gửi cho người này hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 của thửa đất số 03, tờ bản đồ 03, diện tích 840 m² tại thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội mang tên ông Phạm Văn Đ1 do Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cấp, ký thay Chủ tịch – Phó Chủ tịch PCT ký ngày 17/6/2011 và yêu cầu người này làm giả cho C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

theo các thông tin trong giấy chứng nhận số BĐ 474025 nêu trên nhưng thay đổi tên chủ sở hữu từ “*Phạm Văn Đ1, SN: 1976, CMND: 011842582, địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện S, Hà Nội*” sang tên “*Bùi Văn C, SN: 1991, CMND: 012444466, địa chỉ: T-M- S, Hà Nội*” thì người này nói giá 18.000.000 đồng, C đồng ý và hai bên thỏa thuận khi nào làm xong giấy chứng nhận sẽ gửi qua shipper đem đến cho C, C thanh toán tiền cho shipper. Khoảng một tuần sau C nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Bùi Văn C.

Ngày 09/12/2020, C mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 giả đến gặp vợ chồng anh P, chị T, C tự đưa ra thông tin gian dối là C có thửa đất số 03, tờ bản đồ 03, diện tích 840m² ở thôn T, xã Minh Trí, Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận mang tên C và nguồn gốc thửa đất là do ông ngoại C cho, trị giá thửa đất này hiện nay khoảng 06 tỷ đến 07 tỷ đồng rồi đặt vấn đề là muốn vay anh P chị T khoảng 400.000.000 đồng để làm ăn kinh doanh, C sẽ thế chấp cho anh chị PT giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất này, khi nào anh chị PT cần tiền thì C sẽ trả đồng thời cam kết nếu không có tiền trả thì sẽ cắt một phần đất của thửa đất trên cho vợ chồng anh P, chị T tương ứng số tiền cho C vay. Ban đầu anh P, chị T không đồng ý nhưng do C nhiều lần nài nỉ, nói cần tiền để làm ăn và cam kết sẽ trả ngay tiền khi anh chị PT yêu cầu, nên vợ chồng anh P, chị T bảo C đưa về xem thửa đất. Cùng ngày, C đưa anh P, chị T về nhà bố mẹ đẻ của C ở thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội xem đất. Khi anh chị PT đến nhà C thì lúc bố mẹ C không có ở nhà, C chỉ cho vợ chồng anh P, chị T xem thửa đất ngoài vườn trước nhà C và nói đây chính là thửa đất số 03, tờ bản đồ 03, diện tích 840m² ở thôn T, xã Minh Trí, Sóc Sơn của C. Sau khi xem đất xong vợ chồng anh P, chị T và C quay về nhà chị T. Vì tin tưởng thông tin C nói là thật nên anh P, chị T đồng ý cho C vay 400.000.000 đồng nhưng yêu cầu C viết “Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” theo mẫu có sẵn, nội dung C chuyển nhượng cho chị T thửa đất số 03, tờ bản đồ số 03, diện tích 840m² ở thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội với giá là 800.000.000 đồng, chị T đặt cọc trước 400.000.000 đồng, C phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Bùi Văn C cho chị T giữ, khi nào C trả đủ số tiền trên thì chị T sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho C. Sau khi viết xong hợp đồng đặt cọc, C giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Bùi Văn C cho chị T giữ, chị T đưa cho C vay 400.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên C đã sử dụng tiêu sài cá nhân và trả nợ hết.

Lần thứ hai: Năm 1999, Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn B) có giao thầu diện tích đất nông nghiệp quỹ 2 cho ông Đ

quản lý, sử dụng 16 thửa đất, với tổng diện tích là 17.420 m² tại hồ Cầu Đen thuộc khu Đồng Cầu, tổ dân phố M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, thời gian sử dụng từ ngày 31/12/1999 đến ngày 31/12/2024 để ông Đ sử dụng trồng cây và nuôi trồng thủy sản. Hết ngày 31/12/2024, Ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến sẽ thanh lý hợp đồng và cho đấu thầu lại. Quá trình sử dụng đất, ông Đ có cho con gái là chị Phan Thị T sử dụng ½ diện tích nêu trên để làm trang trại chăn nuôi lợn. Đầu năm 2021, ông Đ và chị T muốn kéo dài thời hạn thuê đất, nên chị T tìm hiểu để nhờ người xin gia hạn sử dụng các thửa đất đấu thầu trên.

Khoảng giữa tháng 02/2021, chị T có nói chuyện với C là bố đẻ chị T là ông Đ đang sử dụng 16 thửa đất, với tổng diện tích 17.420 m² tại hồ Cầu Đen theo hình thức đấu thầu từ năm 1999, thời gian sử dụng đất là 25 năm, đến ngày 31/12/2024 là hết hạn thuê đất, sau ngày 31/12/2024 ông Đ phải bàn giao các thửa đất này cho Ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến, gia đình chị T đang có nhu cầu muốn xin Ủy ban nhân dân thị trấn cho gia hạn sử dụng đất thêm khoảng 25 năm nữa nhưng chị T cùng gia đình không quen biết ai có thể xin gia hạn thuê đất. Nghe vậy, C nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị T thông qua hình thức nhận có thể nhờ người làm được gia hạn thuê đất cho chị T hoặc làm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên mặc dù không quen biết ai có thể làm gia hạn quyền sử dụng đất cho chị T, không có người nhà hay người quen làm lãnh đạo tại Hà Nội và cũng không có khả năng làm gia hạn thời gian sử dụng đất đấu thầu cho bố chị T nhưng C lại nói với chị T là có bà cô làm lãnh đạo dưới Hà Nội có thể làm gia hạn thời gian sử dụng đất cho bố chị T được. Tin tưởng lời C nói nên chị T nhờ C hỏi xem có làm được gia hạn sử dụng đất thuê cho ông Đ không và hết bao nhiêu tiền thì C nói để hỏi bà cô xem. Khoảng hai ngày sau, C nói với chị T đã liên hệ với bà cô ở Hà Nội, bà ấy nhận lời làm gia hạn và chuyển đổi đất đấu thầu của bố chị T thành đất 49 năm nhưng chi phí hết 850.000.000 đồng, nếu đồng ý làm thì đưa trước 50.000.000 đồng để lo quan hệ và cung cấp các thông tin của người xin gia hạn thuê đất, diện tích, địa chỉ thửa đất, khi nào làm xong bìa đỏ sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại đồng thời C cam kết chỉ khoảng 15 đến 20 ngày là có sổ đỏ (tức là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Vì tin tưởng lời C nói nên chị T đã đưa trước cho C 50.000.000 đồng tiền mặt tại nhà chị T, khi đưa chị T không viết giấy tờ biên nhận gì (hiện chị T và C đều không nhớ ngày cụ thể chị T đưa số tiền này cho C) rồi chị T gửi vào tài khoản zalo của C ảnh chụp biên bản hợp đồng đấu thầu diện tích mặt nước nhỏ do Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến lập năm 1999 giao cho ông Phan Đ cùng trích lục bản đồ các thửa đất. Sau khi nhận 50.000.000 đồng của chị T, C vào mạng xã hội Facebook đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến giao cho ông Đ với giá 9.000.000 đồng. Ngày 01/3/2021, C gọi điện thoại cho chị T thông báo chuẩn bị tiền để lấy bìa đỏ nhưng lúc đó gia đình chị T không có tiền nên vợ chồng chị T đã thế chấp nhà đất đang ở để vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt

Nam - Chi nhánh Phúc Yên (viết tắt là Ngân hàng BIDV) 500.000.000 đồng. Ngày 02/4/2021 Ngân hàng BIDV giải ngân số tiền trên cho vợ chồng chị T vào tài khoản Ngân hàng Viettinbank bên thứ ba số 102869379497 của anh Dương Văn K (là bạn chị T), cùng ngày chị T nhờ anh K chuyển khoản 500.000.000 đồng vào tài khoản Techcombank số 19025714319012 của anh V (là bạn cùng kinh doanh cá nhân nuôi với chị T và anh K). Sáng ngày 03/4/2021, C bảo chị T đưa tiền cho C để xuống Hà Nội lấy sổ đỏ nhưng chị T do dự nên bảo C *“cứ xuống lấy sổ đỏ đi, có sổ thì sẽ chuyển tiền đầy đủ”*. Để vợ chồng chị T tin tưởng C bảo chị T cho anh Phạm Văn C là con trai đầu của anh P, chị T đi cùng với C xuống Hà Nội lấy sổ đỏ, chị T đồng ý và bảo anh Phạm Văn C đi cùng. Khi đi đến thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội, C bảo anh Phạm Văn C ngồi chờ trong xe taxi để C đi vào lấy sổ đỏ. Sau đó, C vào một quán café gọi điện cho chị T nói do diện tích thửa đất rộng nên phải tách ra làm hai sổ đỏ, một sổ đỏ đã làm xong chi phí hết 500.000.000 đồng rồi C gửi tin nhắn hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà C đặt làm trên mạng xã hội Facebook (hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là do đối tượng nhận làm giả gửi cho C xem trước thông tin rồi mới gửi giấy chứng nhận bản giấy cho C) vào tài khoản Zalo của chị T để chị T tin đã làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi chuyển tiền cho C. Sau đó, C gọi điện thoại cho bạn là anh Dương Quân L là bạn quen biết xã hội với C nhờ anh L nhắn cho C số tài khoản ngân hàng của L để C bảo mẹ chuyển tiền vào tài khoản và nhờ L rút tiền ra đưa cho C, nguồn tiền mẹ C chuyển là do bán đất có cho C, anh L hỏi sao không dùng tài khoản của C thì C nói hiện tài khoản của C bị khóa. Tin lời C nói, anh L đã nhắn tin cho C số tài khoản xxxxxxxxxx của anh L mở tại Ngân hàng OCB Bank. Sau đó, C nhắn tin cho chị T số tài khoản của anh L và bảo chị T chuyển tiền vào tài khoản này để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tin tưởng lời C nói và sau khi nhận được hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua tài khoản zalo, chị T gọi điện cho anh V nhờ anh V chuyển khoản 500.000.000 đồng vào tài khoản số xxxxxxxxxx tại Ngân hàng OCB Bank của Dương Quân L, anh V đồng ý và cùng ngày đã 02 lần chuyển khoản đến tài khoản của anh L với tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Sau khi thấy có tin nhắn báo chuyển tiền đến, anh L thông báo cho C biết đã nhận được 500.000.000 đồng nhưng do lúc đó C chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên C không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đem về đưa cho bị Thờ, C gọi điện lại cho chị T nói là đã nhận được 500.000.000 đồng chị T chuyển và đã giao cho người ta nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi sai tên người ký “Nguyễn Thành H” sai thành “Nguyễn Thành T” nên C đã bảo sửa lại đồng thời C chụp lại hình ảnh đơn vị cấp và người ký giấy chứng nhận rồi gửi tin nhắn vào tài khoản zalo cho chị T. Thấy vậy, chị T yêu cầu C rút tiền về trả cho chị T thì C lấy lý do thứ bảy không rút, chuyển khoản được nhiều tiền, C nói với chị T *“Bà yên tâm con đã làm giấy giao nhận tiền với người ta, đã ký và điểm chỉ rồi họ không lừa mình*

được đâu” và C cam kết sau 02 – 03 ngày là làm xong giấy chứng nhận. Sau đó, C lấy mẫu “Giấy giao nhận tiền” và hộp mực đỏ điểm chỉ đã được C chuẩn bị từ trước, C viết giấy giao nhận tiền với một người C tự nghĩ ra tên là “Dương Văn Phúc, địa chỉ tổ 3, Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội”, C sử dụng 05 đầu ngón tay phải của mình điểm chỉ vào bên người nhận tiền và mang “Giấy giao nhận tiền” về đưa cho chị T. Sau đó từ ngày 03/4/2021 đến ngày 05/4/2021 C bảo anh L rút hết 500.000.000 đồng đưa cho C, C sử dụng tiêu sài cá nhân và trả nợ hết, không cho anh L khoản tiền gì. Đến ngày 05/5/2021, C nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên ông Phan Đ, C gọi điện thoại cho chị T nói đang ở dưới Hà Nội, đã nhận được cả hai bì đỏ và bảo chị T chuyển nốt số tiền 300.000.000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Cùng ngày 05/5/2021, chị T đã chuyển khoản 300.000.000 đồng vào tài khoản của C là 22010000525658 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam. Sau khi nhận được tiền chị T chuyển khoản đến, C hứa hẹn là lát sẽ đem bì đỏ về đưa cho chị T sau đó C tháo sim điện thoại vứt bỏ, xóa tài khoản Zalo, tài khoản Facebook, bán chiếc điện thoại Iphone XS Max đã sử dụng liên lạc với chị T và đốt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên ông Đ rồi C chơi ở Hà Nội khoảng 2 đến 3 ngày, sau đó C bỏ trốn đến huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, mục đích để trốn sang Trung Quốc.

Chị T chờ đến 21 giờ cùng ngày 05/5/2021 không thấy C đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã hứa về cho chị T, vợ chồng chị T gọi điện thoại cho C thì không liên lạc được, nghi ngờ C lừa đảo chiếm đoạt toàn bộ số tiền vợ chồng chị T cho C vay cũng như đưa cho C làm chuyển đổi quyền sử dụng đất. Ngày hôm sau, anh chị PT đã đến Ủy ban nhân dân xã Minh Trí xác minh thửa đất số 03, tờ bản đồ 03, diện tích 840 m² tại thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội thì được biết thửa đất đó là của ông Phạm Văn Đ1, hiện thửa đất vẫn mang tên ông Đ1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Bùi Văn C là giả. Ngày 10/5/2021 anh P đã đến C an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, tố cáo C về hành vi lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng anh P 400.000.000 đồng thông qua hình thức đặt cọc tiền mua đất đồng thời giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện Sóc Sơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Bùi Văn C. Ngày 21/5/2021, chị T đến C an tỉnh Vĩnh Phúc, tố cáo Bùi Văn C có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 850.000.000 đồng của chị thông qua hình thức nhận làm chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất 49 năm.

Quá trình xác minh, xác định Bùi Văn C bỏ trốn khỏi địa phương, gia đình và địa phương đều không biết C đang ở đâu. Ngày 29/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Thông báo truy tìm người đối với Bùi Văn C. Đến ngày 15/7/2021 xác định C đang bỏ trốn tại Bản Pa Nậm Cúm, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Vĩnh

Phúc đã phối hợp với C an xã Ma Li Pho triệu tập C đến trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra C đã thành khẩn khai nhận về hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh chị PT tổng số là 1.250.000.000đồng, trong đó chiếm đoạt 400.000.000đồng thông qua hình thức thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả và chiếm đoạt 850.000.000 đồng thông qua hình thức nhận làm chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất 49 năm cho bố chị T là ông Đ như nêu trên.

Ngày 10/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện Sóc Sơn tạm giữ của anh Phạm Văn Phú 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Bùi Văn C, sinh năm 1991, địa chỉ: Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội.

Ngày 10/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện Sóc Sơn tạm giữ của anh Phạm Văn Đ1: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Phạm Văn Đ1, Sinh năm 1976, địa chỉ: Thái Lai, Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội.

Ngày 17/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện Sóc Sơn 05 văn bản có đóng dấu đỏ của Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội từ năm 2009 đến 2010 và có chữ ký của ông PCT – Nguyễn Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội để phục vụ việc trưng cầu giám định chữ ký của ông PCT.

Ngày 04/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Vĩnh Phúc tạm giữ của chị Phạm Thị Thơ: 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 09/12/2020 giữa bên bán là Bùi Văn C và bên mua là Phan Thị T; 01 giấy giao nhận tiền, bên giao tiền là Bùi Văn C và bên nhận tiền là Dương Văn Phúc.

Ngày 19/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Vĩnh Phúc tạm giữ của chị Phạm Thị Thơ: 01 điện thoại di động Iphone Xs Max, màu trắng.

Ngày 20/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - C an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại di động Iphone Xs Max, màu trắng tạm giữ của chị Phan Thị T. Tại Kết luận giám định số 2054/KLGD ngày 30/7/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Vĩnh Phúc có, kết luận:

“Trích xuất được dữ liệu là tin nhắn trong mẫu vật gửi giám định. Qua phân tích dữ liệu tìm thấy: Tin nhắn ứng dụng Zalo giữa tài khoản có tên “Thơ Phú” với tài khoản có tên “Bi Bé”; tin nhắn ứng dụng Zalo giữa tài khoản có tên “Thơ Phú” với tài khoản có tên “Đời Chữ Đau”; tin nhắn văn bản với danh bạ có tên: “C Bé 2”. Toàn bộ dữ liệu được thể hiện trong 03 (ba) phụ lục”.

Ngày 04/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Bùi Văn C do anh Phạm Văn Phú

giao nộp. Tại Kết luận giám định số 2054/KLGD ngày 21/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

1. Các lớp in trên mẫu cầu giám định (ký hiệu A1) so với các lớp in trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng những bản in tương ứng in ra.

2. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN T.P HÀ NỘI” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) không phải hình dấu đóng trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

3. Chữ ký dưới mục: “**KT. CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH**” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) là chữ ký trực tiếp.

So sánh chữ ký của PCT trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M2 đến M7) không phải do cùng một người ký ra”.

Ngày 05/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- C an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài liệu đối với 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, bên bán ghi tên Bùi Văn C, đề ngày 09/12/2020 và 01 giấy giao nhận tiền, bên giao tiền ghi tên Bùi Văn C, đề ngày 03/4/2021 do chị Phan Thị T giao nộp. Tại Kết luận giám định số 2372/KLGD, ngày 15/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - C an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

“1. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “**BÊN MUA**” (Ký, ghi rõ họ tên); chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “**BÊN NHẬN TIỀN**”) so với chữ viết của Bùi Văn C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “**BÊN MUA**” (Ký, ghi rõ họ tên)”); chữ ký trên mẫu so với chữ ký của Bùi Văn C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 có phải do cùng một người ký ra hay không, do chữ ký dạng đơn giản, ít đặc điểm có giá trị truy nguyên cao, lại vừa có đặc điểm chung, các đặc điểm riêng giống nhau và khác nhau là tương đương không giải thích được”

Đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 03, diện tích 840m² ở thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Minh Trí và Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Sóc Sơn, Hà Nội xác định: Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 03, diện tích 840m² ở thôn T, Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội chủ sử dụng đất là Phạm Văn Đ1 - Sinh năm 1976, trú tại: Thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc thửa đất được anh Đức mua của bà Trần Thị Bích Phương – Sinh năm 1948, trú tại số 4A, ngõ 1, đường Lê Văn Hưu, Ngõ Thị Nhậm, Hai Bà Trưng, Hà Nội từ tháng 5/2011. Hiện thửa đất này gia đình anh Đức vẫn đang quản lý sử dụng, chưa chuyển nhượng cho ai khác. Bản thân anh Đức cũng khai nhận từ trước đến nay anh Đức cùng gia đình không mua bán, chuyển nhượng hay cầm cố, thế chấp thửa đất trên cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bùi Văn C hay ai khác.

Đối với 16 thửa đất, với tổng diện tích 17.420m² đất nông nghiệp tại khu Đồng Câu, tổ dân phố My Kỳ, thị trấn Bá Hiến, Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình điều tra xác định: Năm 1999 Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến (nay là ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến, Bình Xuyên) có giao thầu diện tích đất nông nghiệp quỹ 2, gồm 16 thửa đất ruộng, với tổng diện tích 17.420m² tại Hồ Cầu Đen, thuộc khu Đồng Câu, thôn My Kỳ, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên cho ông Đ quản lý, sử dụng trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản. Thời hạn sử dụng là 25 năm, từ ngày 31/12/1999 đến ngày 31/12/2024; hết thời hạn trên Ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến sẽ thanh lý hợp đồng và cho đấu thầu lại. Do là đất nông nghiệp quỹ 2 nên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà khi giao thầu Ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến chỉ làm “Biên bản hợp đồng đấu thầu diện tích mặt nước nhỏ” cho ông Đ. Đến nay diện tích đất trên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với hành vi của Bùi Văn C đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của các thửa đất mà ông Phan Đ đang sử dụng đất theo hình thức đấu thầu tại khu Đồng Câu, tổ dân phố M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình điều tra C khai nhận sau khi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 50.000.000 đồng của chị T (C nói với chị T là đưa tiền để đi quan hệ làm chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất 49 năm), C đã vào mạng xã hội Facebook đặt làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp giả mang tên ông Phan Đ với số diện tích đất, địa chỉ thửa đất theo thông tin mà chị Phan Thị T cung cấp cho C với giá là 9.000.000 đồng, sau đó C đã gửi hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tài khoản zalo của chị T để chị T tin tưởng là C đã nhờ người làm được chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất 49 năm cho bố chị T nên chị T tin tưởng tiếp tục chuyển khoản cho C 800.000.000 đồng, C chiếm đoạt, sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết sau đó C đã đốt bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi bỏ trốn khỏi địa phương, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Tuy nhiên quá trình điều tra C đã thừa nhận đã cung cấp thông tin, đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp giả mang tên Phan Đ rồi gửi hình ảnh cho chị T qua tài khoản zalo; kết quả giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại di động Iphone Xs Max của chị Phan Thị T xác định ngày 03/4/2021 tài khoản “Bi Béo” của Bùi Văn C gửi đến tài khoản zalo của chị T 01 tin nhắn có hình ảnh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Đ, phù hợp với lời khai của C và lời khai của chị T. Do vậy, có đủ căn cứ xác định, Bùi Văn C có hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên Phan Đ.

Đối với Dương Quân L, quá trình điều tra xác định là người đã cho Bùi Văn C mượn số tài khoản ngân hàng của Luật để C cung cấp cho chị Phan Thị T chuyển khoản 500.000.000 đồng vào tài khoản của Luật rồi Luật rút toàn bộ số tiền này đưa cho C. Tuy nhiên, quá trình điều tra C và Luật đều khai nhận là C không bàn bạc gì với Luật về việc Luật cung cấp số tài khoản cho C để C dùng

thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của chị T rồi cùng chia nhau hưởng lợi, mà khi C hỏi Luật cho mượn số tài khoản để chuyển tiền thì C nói do tài khoản của C bị khóa và nguồn gốc số tiền chuyển vào tài khoản là do mẹ C bán đất cho C trả nợ và chi tiêu nên Luật mới cho C số tài khoản của Luật để C nhận tiền rồi C nhờ Luật rút hết số tiền 500.000.000đồng đưa cho C, C không cho Luật khoản tiền gì. Do vậy không có căn cứ xác định Luật đồng phạm với C nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý phù hợp.

Đối với đối tượng làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Bùi Văn C và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên Phan Đ, quá trình điều tra Bùi Văn C khai nhận C sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max truy cập vào mạng xã hội Facebook tìm người chuyên làm giả các giấy tờ, tài liệu, rồi C đặt làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên với giá 27.000.000 đồng, sau đó người này đã gửi qua nhân viên shipper đến giao giấy chứng nhận cho C và C thanh toán tiền cho nhân viên shipper, C không biết nhân thân, lai lịch cũng như địa chỉ, số điện thoại của người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho C; tài khoản Facebook của người này C không nhớ, còn chiếc điện thoại C đăng nhập vào tài khoản Facebook của người này thì C đã bán. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max của Bùi Văn C sử dụng để liên lạc với chị Phan Thị T và đối tượng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình điều tra C khai nhận sau khi chiếm đoạt được số tiền 850.000.000đ của chị T, C đã bán chiếc điện thoại đó nhưng không nhớ bán cho ai, ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu trắng giữ của chị Phan Thị T, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị T, sau khi tiến hành giám định kỹ thuật số điện tử, ngày 18/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị T.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Bùi Văn C do anh Phạm Văn Phú giao nộp; 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 09/12/2020 giữa bên bán là Bùi Văn C và bên mua là Phan Thị T; 01 giấy giao nhận tiền do chị Phan Thị T giao nộp, quá trình điều tra xác định là vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Phạm Văn Đ1, Sinh năm 1976, địa chỉ: Thái Lai, Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội, Cơ quan điều tra thu giữ của anh Phạm Văn Đ1, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Đức. Sau khi tiến hành giám định tài liệu, ngày 05/03/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu, trả lại giấy

chứng nhận trên cho anh Đức. Ngày 06/3/2022, anh Đức đã nhận lại giấy chứng nhận trên và không có đề nghị gì.

Đối với 05 văn bản do Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn cung cấp đề Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định tài liệu, ngày 05/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trả lại 05 Văn bản trên cho Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh về số tài khoản và tài sản của Bùi Văn C xác định hiện vợ chồng C đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của C ở thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội, nhà được xây dựng trên diện tích 500m² đất trồng rừng do Ủy ban nhân xã Minh Trí giao cho ông Đinh Ngọc Đẩu – Sinh năm 1948 là bố đẻ bà Đinh Thị Tranh – Sinh năm 1970 (mẹ đẻ C). Vợ chồng C không đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại bất kỳ thửa đất nào trên địa bàn huyện Sóc Sơn. Gia đình C không thuộc diện hộ nghèo, hộ chính sách được trợ giúp pháp lý. Xác minh tài khoản ngân hàng mang tên Bùi Văn C xác định C chỉ mở 01 tài khoản tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Thăng Long, số tài khoản là 22010000525658, số dư tài khoản đến ngày 07/5/2021 là 156.732 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, vợ chồng anh chị Phạm Ngọc P và Phan Thị T yêu cầu Bùi Văn C phải trả lại cho anh chị tổng số tiền là 1.250.000.000đồng, Bùi Văn C nhất trí sẽ trả lại số tiền trên cho anh chị PT nhưng hiện tại C không có khả năng trả, C sẽ tác động để gia đình trả dần cho anh chị PT.

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKSVP-P1 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Bùi Văn C về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn C phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; 14 đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 16 năm đến 17 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 17/7/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584;585;586;589 Bộ luật dân sự, buộc Bùi Văn C có trách nhiệm trả cho anh P và chị T 1.250.000.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến về tội danh, điều luật Viện kiểm sát truy tố bị cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điều 51 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Bị cáo khai nhận xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân, Bùi Văn C đã lợi dụng mối quan hệ thân thiết và sự tin tưởng của vợ chồng anh Phạm Ngọc P, chị Phan Thị T, từ tháng 12/2020 đến tháng 05/2021, Bùi Văn C đã 02 lần đặt làm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi dùng thủ đoạn gian dối, 02 lần chiếm đoạt tiền của anh Phạm Ngọc P, chị Phan Thị T với tổng số tiền là 1.250.000.000đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 12/2020, Bùi Văn C đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Bùi Văn C. Đến ngày 09/12/2020, C đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này đến gặp vợ chồng anh Phạm Ngọc P, chị Phan Thị T nói dối là thửa đất này là của C, nguồn gốc thửa đất là ông ngoại của C cho rồi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho vợ chồng anh P chị T vay 400.000.000 đồng sau đó C chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Giữa tháng 02/2021, Bùi Văn C tự đưa ra thông tin gian dối với chị Phan Thị T là có bà cô làm lãnh đạo tại Hà Nội có thể làm chuyển đổi đất nông nghiệp mà ông Phan Đ đang sử dụng theo hình thức đấu thầu của Ủy ban nhân dân thị trấn Bá Hiến sang đất 49 năm, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với chi phí là 850.000.000đồng và để chị T tin tưởng, C vào mạng xã hội Facebook đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên ông Phan Đ với giá là 9.000.000 đồng rồi gửi hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T. Do tin tưởng thông tin C nói nên từ cuối tháng 02/2021 đến ngày 05/5/2021, chị T đã đưa trực tiếp và chuyển khoản

cho C tổng số là 850.000.000đồng để làm chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất 49 năm cho bố đẻ chị T là ông Phan Đ. Sau khi nhận tiền, C không liên hệ với ai để tác động làm gia hạn thời gian thuê đất cũng như làm chuyển đổi đất nông nghiệp đầu thầu sang đất 49 năm cho ông Phan Đ mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết 850.000.000đồng nhận của chị T rồi C bỏ trốn đến huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, mục đích để trốn sang Trung Quốc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện đưa về trụ sở làm việc.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các Kết luận giám định; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo C làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Ngọc P và chị Phan Thị T. Hành vi của bị cáo Bùi Văn C đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội danh được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm tù và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm tù hoặc tù chung thân.

[4] Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của C dân; xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Do C không có thu nhập và nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Đối với những người liên quan đến hành vi của bị cáo:

- Đối với anh Dương Quân L, quá trình điều tra xác định là người đã cho Bùi Văn C mượn số tài khoản ngân hàng của Luật để C cung cấp cho chị Phan Thị T chuyển khoản 500.000.000đồng vào tài khoản của Luật rồi Luật rút toàn

bộ số tiền này đưa cho C. Tuy nhiên, quá trình điều tra C và Luật đều khai nhận là C không bàn bạc gì với Luật về việc Luật cung cấp số tài khoản cho C để C dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của chị T rồi cùng chia nhau hưởng lợi, mà khi C hỏi Luật cho mượn số tài khoản để chuyển tiền thì C nói do tài khoản của C bị khóa và nguồn gốc số tiền chuyển vào tài khoản là do mẹ C bán đất cho C trả nợ và chi tiêu nên Luật mới cho C số tài khoản của Luật để C nhận tiền rồi C nhờ Luật rút hết số tiền 500.000.000đồng đưa cho C, C không cho Luật khoản tiền gì. Do vậy không có căn cứ xác định Luật đồng phạm với C nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý phù hợp.

- Đối với đối tượng làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Bùi Văn C và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên Phan Đ, quá trình điều tra Bùi Văn C khai nhận C sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max truy cập vào mạng xã hội Facebook tìm người chuyên làm giả các giấy tờ, tài liệu, rồi C đặt làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên với giá 27.000.000 đồng, sau đó người này đã gửi qua nhân viên shipper đến giao giấy chứng nhận cho C và C thanh toán tiền cho nhân viên shipper, C không biết nhân thân, lai lịch cũng như địa chỉ, số điện thoại của người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho C; tài khoản Facebook của người này C không nhớ, còn chiếc điện thoại C đăng nhập vào tài khoản Facebook của người này thì C đã bán. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

[8]. Các tài sản, tài liệu thu giữ trong quá trình điều tra:

-01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max của Bùi Văn C sử dụng để liên lạc với chị Phan Thị T và đối tượng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình điều tra C khai nhận sau khi chiếm đoạt được số tiền 850.000.000đ của chị T, C đã bán chiếc điện thoại đó nhưng không nhớ bán cho ai, ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý trong vụ án.

-01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu trắng giữ của chị Phan Thị T, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị T, sau khi tiến hành giám định kỹ thuật số điện tử, ngày 18/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị T. Việc trả tài sản là hợp pháp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Bùi Văn C do anh Phạm Văn Phú giao nộp; 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 09/12/2020 giữa bên bán là Bùi Văn C và bên mua là Phan Thị T; 01 giấy giao nhận tiền do chị Phan Thị T giao nộp, quá trình điều tra xác định là vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án là phù hợp.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 474025 mang tên Phạm Văn Đ1, Sinh năm 1976,

địa chỉ: Thái Lai, Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội, Cơ quan điều tra thu giữ của anh Phạm Văn Đ1, quá trình điều tra xác định là giấy tờ hợp pháp của anh Đức. Sau khi tiến hành giám định tài liệu, ngày 05/03/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu, trả lại giấy chứng nhận trên cho anh Đức. Ngày 06/3/2022, anh Đức đã nhận lại giấy chứng nhận trên và không có đề nghị gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- 05 văn bản do Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn cung cấp để Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định tài liệu, ngày 05/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trả lại 05 Văn bản trên cho Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh P, chị T đề nghị C phải trả cho anh chị số tiền C đã chiếm đoạt là 1.250.000.000đ. C đồng ý trả lại nhưng đề nghị được trả dần. Yêu cầu của anh P, chị T là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[10]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; phù hợp với tính chất, mức độ, vai trò phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là đủ để răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, yên tâm cải tạo trở thành Công dân có ích. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo.

[11]. Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt

[12]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn C phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 02 (Hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 17/7/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Bùi Văn C có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị T và

anh Phạm Ngọc Phú 1.250.000.000đ (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bùi Văn C không thanh toán số tiền nêu trên thì C phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 49.500.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự trong án hình sự.

3. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ - C an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, THS, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Ngọc

